

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2023/DS-PT

Ngày: 23 - 11 - 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản; tranh chấp
về họ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm
Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ
Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 10
năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp về họ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án
nhân dân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 352/2023/QĐ-PT ngày
03/11/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1967,

Địa chỉ: Cây số C, thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà **Hoàng Thị Kim O**, sinh năm: 1965 và ông **Nguyễn Văn Đ**,
sinh năm: 1962.

Địa chỉ: 100/58 L, thôn T, L, B

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm: 1973. Địa chỉ: 1 Hồ
T, Tổ D, phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản uỷ quyền ngày
17/10/2023.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần A

Địa chỉ: B B, Phường A, thành phố B

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh Q – Giám đốc

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị Kim O, ông Nguyễn Văn Đ – Bị đơn

(Bà D, bà O, ông T có mặt; Các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên bà đã cho vợ chồng bị đơn bà Hoàng Thị Kim O và ông Nguyễn Văn Đ vay tiền rất nhiều lần cũng như tham gia các dây họ do bà làm chủ họ; những lần vay tiền và tham gia họ trước đây vợ chồng bị đơn đều trả tiền gốc, tiền lãi và nộp, hết họ đầy đủ. Tuy nhiên sau đó còn lại một số khoản nợ vay và một dây họ bị đơn đã không trả tiền gốc, tiền lãi lẫn nộp họ chết cho bà, cụ thể là các khoản nợ sau:

Ngày 11/11/2015 bà và bà O đã viết giấy chót nợ 123.000.000 đồng, đến ngày 15/02/2016 bà đưa thêm cho ông Đ vay 2.000.000 đồng, tổng cộng là 125.000.000 đồng, số tiền vay gốc này thỏa thuận thời hạn trả là 12 tháng.

Ngày 19/4/2017 bị đơn vay 5.000.000 đồng; ngày 20/4/2017 vay 15.000.000 đồng, ngày 27/4/2017 vay tiếp 25.000.000 đồng. Đối với 03 khoản nợ này thì bà O đã ký xác nhận vào giấy chót nợ vay ngày 27/6/2017 là 45.000.000 đồng, hẹn tới 27/9/2017 sẽ trả. Do đó, giấy chót nợ ngày 27/4/2017 với giấy chót nợ ngày 27/6/2017 là cùng một số tiền nợ 45.000.000 đồng.

Ngày 22/5/2017 bị đơn vay thêm 2.800.000 đồng với hình thức trả góp trong 30 ngày và thời hạn trả cuối cùng là ngày 22/6/2017; ngày 30/5/2017 vay 5.600.000 đồng, hình thức trả góp, thời hạn trả cuối cùng là ngày 30/6/2017.

Tổng cộng các khoản nợ trên vợ chồng bà O, ông Đ đã vay của bà là 178.400.000 đồng tiền gốc, toàn bộ các khoản vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tuy nhiên, sau khi vay thì bị đơn không trả cho bà tiền lãi các khoản nợ này theo thỏa thuận mà hứa khi bán heo sẽ trả hết tiền lãi cùng tiền gốc một lần. Đến nay toàn bộ các khoản vay trên đã quá thời hạn trả, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng bị đơn không trả.

Ngoài ra, từ năm 2016 bà O và ông Đ có tham gia chơi các dây họ do bà làm chủ họ. Quá trình tham gia chơi họ, vợ chồng bị đơn còn nợ bà dây họ áp thảo ngày 20/3/2017, cụ thể: Dây họ 5.000.000 đồng, gồm 23 phần, bà và vợ chồng bà O tham gia 01 phần, tức ông Đ và bà O đóng $\frac{1}{2}$ với số tiền là 2.500.000 đồng. Sau đó ông Đ, bà O đã hết họ và bà đã chồng đủ cho bị đơn số

tiền 22 phần x 1.900.000 đồng = 41.800.000 đồng, cộng với 2.500.000 đồng phần áp thảo của bà nên tổng cộng bà đã chồng tiền họ sống cho bị đơn là 44.300.000 đồng theo giấy chồng họ ngày 22/4/2017 do ông Đ đại diện ký xác nhận. Sau khi hốt họ thì vợ chồng bà O, ông Đ không đóng tiền họ chết cho bà.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà O và ông Đ trả cho bà số tiền vay gốc 178.400.000 đồng và tiền nợ họ gốc là 44.300.000 đồng, bà không yêu cầu trả tiền lãi đối với số tiền vay gốc và tiền nợ họ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Hoàng Thị Kim O trình bày:

Vợ chồng ông bà có tham gia chơi các dây họ do bà D làm chủ họ và cũng nhiều lần vay tiền của bà D. Toàn bộ các giấy vay tiền mà bà D cung cấp cho Tòa án đều do bị đơn viết và ký xác nhận. Quá trình vay thì ông bà đã trả các khoản tiền nợ vay và tiền nợ họ cho bà D nhưng do tin tưởng nên bị đơn đã không thu lại các giấy nợ cũ. Đến ngày 27/4/2017 các bên viết giấy chốt nợ của toàn bộ các khoản nợ và bị đơn đã thanh toán tiền của giấy chốt nợ này cho bà D thông qua Công ty cổ phần A (là công ty thu nợ dùm bà D), thể hiện tại 02 giấy biên nhận ngày 24/6/2018 và ngày 25/6/2018. Hiện nay bị đơn không còn nợ bà D khoản tiền vay hay tiền họ nào. Do đó, bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 178.400.000 đồng và tiền nợ họ gốc 44.300.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Hoàng Thị Kim O và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền vay gốc 178.400.000 đồng và tiền nợ họ gốc là 44.300.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 22/9/2023 bà Hoàng Thị Kim O, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả số tiền vay gốc 178.400.000 đồng và tiền nợ họ gốc là 44.300.000 đồng vì cho rằng đã thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn thông qua Công ty cổ phần A thể hiện tại 02 giấy biên nhận ngày 24/6/2018 và ngày 25/6/2018.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị Kim O, ông Nguyễn Văn Đ thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Hoàng Thị Kim O phải trả số tiền nợ vay và tiền chơi họ còn thiếu nhưng ông Đ, bà O không đồng ý trả nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về họ*” là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Hoàng Thị Kim O thì thấy rằng:

Theo các giấy vay tiền ngày 21/6/2015 (số tiền 20.000.000đ), ngày 22/6/2015 (số tiền 10.000.000đ), ngày 26/6/2015 (số tiền 10.000.000đ), ngày 27/6/2015 (số tiền 41.000.000đ + 2.000.000đ), ngày 29/6/2015 (số tiền 20.000.000đ) và ngày 01/7/2015 (số tiền 10.000.000đ) (*BL từ 130-133*) thể hiện bị đơn vay của nguyên đơn tổng cộng là 113.000.000đ.

Ngày 11/11/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn tiếp tục lập giấy chốt nợ giữa các bên thể hiện số tiền 123.000.000đ với thời hạn là 12 tháng sẽ trả. Số tiền gốc và lãi bị đơn trả cho nguyên đơn theo giấy viết tay ghi “Huê Dung” (*Bút lục 133*) các ngày 20/4, ngày 21/4, ngày 22/4, ngày 25/4, ngày 27/4 của năm 2017 và giấy viết tay ghi huê ngày 28/12/2017 (*Bút lục 134*). Tổng cộng 75.600.000đ, các bên xác nhận còn nợ lại 45.000.000đ. Đây là khoản vay mới giữa các bên.

Như vậy, số tiền vay và số tiền trả gốc cộng lãi phù hợp với lời trình bày của bà D. Do đó có căn cứ để xác định số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn tại các giấy viết tay ngày 20/4, ngày 21/4, ngày 22/4, ngày 25/4, ngày 27/4 của năm 2017 và giấy viết tay ghi huê ngày 28/12/2017 là các khoản tiền bị đơn đã trả nợ cho các khoản vay theo các giấy vay tiền ngày 21/6/2015, ngày

22/6/2015, ngày 26/6/2015, ngày 27/6/2015, ngày 29/6/2015 và ngày 01/7/2015. Đây không phải là số tiền trả nợ cho các khoản vay của nguyên đơn trong vụ án này.

Bị đơn cho rằng khoản nợ tới ngày 27/4/2017 bị đơn chỉ còn nợ số tiền 45.000.000đ và vợ chồng bà đã thanh toán cho bà D thông qua Công ty cổ phần A; thể hiện tại 02 giấy biên nhận ngày 24/6/2018 với nội dung “Tôi tên là Hoàng Bùi H có nhận của chị Hoàng Thị Kim O số tiền là 60 triệu đồng” và Giấy biên nhận ngày 25/6/2018 thể hiện nội dung “Tôi tên Hoàng Bùi H có nhận của chị Hoàng Thị Kim O với số tiền 24 triệu đồng tiền huê ngày 10/2/2015 -> 16/11/2018; trả trước tiền huê cho chị D” (Bút lục 62, 63).

Như vậy, khoản nợ chốt ngày 16/11/2016 không liên quan đến khoản nợ mà nguyên đơn đang khởi kiện trong vụ án này. Tại Giấy xác nhận nợ ngày 16/11/2016 (Bút lục 41) thể hiện “Hôm nay thứ năm ngày 16/11/2016 tôi Hoàng Thị Kim O đã hốt 2 chân hụi được tổng số tiền 99.800.000đ để thanh toán số nợ 100 triệu đồng và hiện nay số nợ còn lại là 40 triệu đồng. Số chân hụi còn lại tôi sẽ phải chịu trách nhiệm đóng cho tới người cuối cùng – cùng với số tiền còn lại trong thời hạn 1 năm sẽ tất toán hết”. Do đó, khoản nợ mà theo bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn thông qua Công ty A là khoản nợ cho giấy chốt nợ ngày 16/11/2016 chứ không liên quan đến các khoản nợ mà nguyên đơn đang khởi kiện.

Theo toàn bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện các giấy chốt nợ vay và nợ hụi mà nguyên đơn khởi kiện với tổng số tiền vay nợ gốc là 178.400.000đ và tiền nợ hụi gốc là 44.300.000đ đều được bị đơn xác nhận và thừa nhận đúng chữ ký và chữ viết của bị đơn. Phía bị đơn đưa ra những tài liệu chứng cứ để cho rằng mình đã trả cho nguyên đơn nhưng tất cả những tài liệu chứng cứ này đều không liên quan đến các khoản vay cũng như các dây hụi nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay gốc 178.400.000đ và tiền nợ hụi gốc 44.300.000đ là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đ, bà O. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nội dung vụ án. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Kim O, ông Nguyễn Văn Đ.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D. Buộc bà Hoàng Thị Kim O và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền vay gốc 178.400.000đồng (*một trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm ngàn đồng*) và tiền nợ họ gốc là 44.300.000 đồng (*bốn mươi bốn triệu, ba trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị Kim O và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 11.135.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 600.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Tổng cộng là 11.735.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005958 ngày 03/10/2023 số tiền 300.000đ và Biên lai thu số 0005959 ngày 03/10/2023 số tiền 300.000đ đều của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Bà O, ông Đ còn phải nộp 11.135.000đ án phí còn thiếu

Hoàn trả cho bà D số tiền 5.567.000đ theo biên lai thu số 0005352 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND thành phố Bảo Lộc (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (03);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Thị Vân**

